TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2019/DS-KDTM Ngày: 11/11/2019 *V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 10 và 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: số X, đường N, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương Thị Thùy D, trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: số A, đường Th, Phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo Giấy ủy quyền số 77/GUQ-CNGL ngày 03/5/2019 của Giám đốc chi nhánh Gia Lai). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng L và bà Nguyễn Thị L1; địa chỉ: thôn P-T (trước đây là thôn P), xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 03/5/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng) có quan hệ tín dụng với ông Nguyễn Hồng L và bà Nguyễn Thị L1 như sau:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số LD162860010 ngày 12/10/2016; Hợp đồng tín dụng số LD1728900470 ngày 16/10/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD17289004070-01 ngày 12/10/2018 (sau đây gọi là Hợp đồng tín dụng). Số tiền vay: 1.100.000.000đ, đã ngày giải ngân theo Giấy nhận nợ số LD1829600437 ngày 23/10/2018. Thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả hết nợ vào ngày 23/10/2019. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh phân bón, nông sản. Lãi suất trong hạn 10.5%/năm, kể từ tháng thứ 04 lãi suất sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần nhưng không bắt buộc, trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, trả gốc cuối kỳ.

Trong quá trình vay, ông Nguyễn Hồng L và bà Nguyễn Thị L1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi đến ngày 15/02/2019 là 36.345.993đ, sau đó không tiếp tục thanh toán tiền lãi. Ngày 02/4/2019, Ngân hàng ra thông báo chấm dứt trước thời hạn hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn.

Tính đến ngày 11/11/2019, ông L và bà L1 còn nợ: Tiền gốc 1.100.000.000đ, lãi trong hạn là 78.353.878đ, lãi quá hạn 11.706.223đ, tổng cộng 1.190.060.101đ.

2. Ngày 27/10/2016, Ngân hàng có cấp cho ông Nguyễn Hồng L Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/10/2016 với hạn mức 40.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 1,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 2,4%/tháng. Kể từ ngày 05/2/2019, ông L còn nợ 30.134.233đ và vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền đến hạn theo thỏa thuận tại Điều 2, Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành Thẻ tín dụng của ngân hàng. Tính đến ngày 11/11/2019, ông L còn nợ Thẻ tín dụng là 36.576.659đ.

3. Tài sản thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng, theo hợp đồng thế chấp số 676/2016/CN-GL ngày 13/10/2016 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 676A/2017/CN-GL ngày 18/10/2017 (sau đây gọi là Hợp đồng thế chấp), bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 179, tờ bản đồ số 13, được UBND huyện Ia Grai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BL810950 ngày 05/02/2013.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 14, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CB 148098 ngày 24/7/2015.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 8E, tờ bản đồ số 14, được UBND huyện Ia Grai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số AK 242675 ngày 16/7/2008.

Ngân hàng yêu cầu ông L, bà L1 phải trả số tiền nợ tính đến ngày 11/11/2019 từ Hợp đồng tín dụng là 1.190.060.101đ và từ Thẻ tín dụng là

36.576.659đ, cùng tiền lãi phát sinh đến khi trả nợ xong. Trường hợp ông L, bà L1 không trả nợ thì được quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

- *Ý kiến của bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng L và bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến, yêu cầu và không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- *Kết quả xác minh của Tòa án:* Ông L và bà L1 nơi cư trú tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ tháng 3/2019, tài sản là nhà và đất của ông L, bà L1 hiện không có ai sử dụng, quản lý.

- *Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ:* Tài sản là 03 thửa đất mà Ngân hàng cho rằng đã thế chấp hiện có tại làng P-T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Tài sản gắn liền với 03 thửa đất có nhà để ở, nhà kho và tường rào bao quanh. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ không có người nào trực tiếp sử dụng các tài sản trên, không phát sinh tranh chấp.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đối với hợp đồng tín dụng, đề nghị buộc bị đơn là ông L, bà L1 phải trả tiền gốc 1.100.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận, trường hợp không trả nợ thì được quyền xử lý tài sản đảm bảo; đối với Thẻ tín dụng, đề nghị bị đơn là ông L phải trả số tiền gốc 30.134.233đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Bị đơn là ông Nguyễn Hồng L có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh phân bón và mua bán hàng nông sản. Ngân hàng cho ông L, bà L1 vay theo Hợp đồng tín dụng để kinh doanh theo ngành nghề đăng ký kinh doanh. Đồng thời, điều kiện để cấp Thẻ tín dụng gắn liền với việc ông L đang có khoản tín dụng tại Ngân hàng từ Hợp đồng tín dụng. Do đó, Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông L và bà L1 có địa chỉ nơi cư trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hợp đồng. Tuy nhiên, khi Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, bị đơn đã đi khỏi nơi cư trú mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự 2015, nên được xem là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết và Tòa án huyện Ia Grai tiến hành niêm yết đơn khởi kiện và những văn bản tố tụng tại nơi cư trú trên, là nơi đang có tài sản của bị đơn, đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại các điều 39, 177, 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Bị đơn đã được Tòa án tiến hành thủ tục triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả nợ và quyền xử lý tài sản đảm bảo đã thế chấp. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng cấp tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản, Giấy nhận nợ, Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng cùng với các bản kê xác định giao dịch, nợ gốc, nợ lãi chưa thanh toán. Hợp đồng thế chấp được công chứng, được đăng ký giao dịch bảo đảm và có nội dung dẫn chiếu để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng cấp tín dụng, Giấy nhận nợ, Thẻ tín dụng, có chữ ký xác nhận của ghi tên ông Lyun, bà L1. Bị đơn đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện nhưng không có ý kiến phản đối. Do đó, có căn cứ xác định các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về tiền vay theo hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ số LD1829600437 ngày 23/10/2018 thì thời hạn cho vay đến ngày 23/10/2019. Tuy nhiên, theo chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp thì ông L, bà L1 phải trả lãi vào ngày 15 hàng tháng nhưng ông L, bà L1 đã không trả lãi phát sinh từ ngày 15/02/2019 nên đã vi phạm thỏa thuận về trả lãi và Ngân hàng được quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại điểm g Điều 1 của Phụ lục các điều khoản chung kèm theo Hợp đồng tín dụng số LD17289004470 ngày 16/10/2017, được sửa đổi, bổ sung theo Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD17289004470 ngày 12/10/2018 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, ông L và bà L1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

[6] Đối với yêu cầu về tiền vay gốc: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông L, bà L1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền vay gốc của Hợp đồng tín dụng là 1.100.000.000đ.

[7] Đối với yêu cầu trả tiền lãi của Hợp đồng tín dụng:

Lãi trong hạn tính từ ngày 15/02/2019 đến ngày 22/10/2019 (theo cách tính lãi từ ngày giải ngân), với mức lãi suất là 10,4%/năm là 78.356.164, trừ số tiền ông L, bà L1 còn dư 2.285đ, còn phải trả 78.353.879đ. Tổng tiền lãi chậm trả của số tiền lãi trong hạn hàng tháng tính đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10% là 2.773.620đ. Lãi quá hạn từ ngày 23/10/2019 đến ngày xét xử 11/11/2019 với mức lãi suất 15,6%/năm là 8,932,602đ. Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Ông Nguyễn Hồng L và bà Nguyễn Thị L1 phải trả số tiền 1.190.060.101đ.

[8] Đối với nợ Thẻ tín dụng: Tại Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, ông L là người trực tiếp xác lập giao dịch. Không có chứng cứ thể hiện bà L1 xác lập giao dịch và không có chứng cứ chứng minh số tiền giao dịch từ Thẻ tín dụng do ông L rút được sử dụng vào mục đích chung của ông L, bà L1 nên

không có căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ liên đới của bà L1 đối với giao dịch do ông L xác lập. Do đó, nghĩa vụ phát sinh từ Thẻ tín dụng thuộc về ông L.

[9] Số nợ gốc phát sinh từ Thẻ tín dụng tại thời điểm ngày 05/02/2019 là 30.134.233đ. Số tiền lãi phát sinh tại thời điểm ngày 05/02/2019 gồm: Nợ lãi trong hạn từ ngày 05/02/2019 đến ngày 05/3/2019 là 443.840đ, tiền lãi của lãi trong hạn chậm thanh toán tính đến ngày 11/11/2019 là 30.522đ. Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 05/3/2019 đến ngày xét xử 11/11/2019 là 5.968.064đ, tổng cộng: 36.576.659đ. Do đó, ông L phải trả cho Ngân hàng số tiền 36.576.659đ.

[10] Ngân hàng yêu cầu được quyền xử lý tài sản thế chấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay. Tại hợp đồng thế chấp, phụ lục của Hợp đồng tín dụng về tài sản đảm bảo, các bên thỏa thuận thế chấp tài sản gồm quyền sử dụng của ba thửa đất như Ngân hàng yêu cầu cùng với tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng và quyền xử lý tài sản đảm bảo khi bên đảm bảo không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

[11] Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 2.200.000đ.

[12] Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1.1. Buộc ông Nguyễn Hồng L và bà Nguyễn Thị L1 phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 1.190.060.101đ (một tỷ một trăm chín mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn một trăm lẻ một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hồng L và bà Nguyễn Thị L1 còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 15,6%/năm.

1.2. Buộc ông Nguyễn Hồng L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 36.576.659đ (ba mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hồng L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 28,8%/năm.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Hồng L và bà Nguyễn Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp, gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 179, tờ bản đồ số 13, được UBND huyện Ia Grai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BL810950 ngày 05/02/2013.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 14, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CB 148098 ngày 24/7/2015.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 8E, tờ bản đồ số 14, được UBND huyện Ia Grai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số AK 242675 ngày 16/7/2008.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Hồng L và bà Nguyễn Thị L1 phải liên đới trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 2.200.000đ (hai triệu hai trăm đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Hồng L và bà Nguyễn Thị L1 phải liên đới nộp 47.701.803đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn tám trăm lẻ ba nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2. Ông Nguyễn Hồng L phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.3. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 23.261.229đ (hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005634 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Huy